

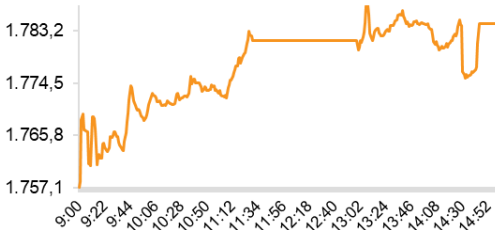
KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
+84 2439724568
Research@vndirect.com.vn
vndirect.com.vn

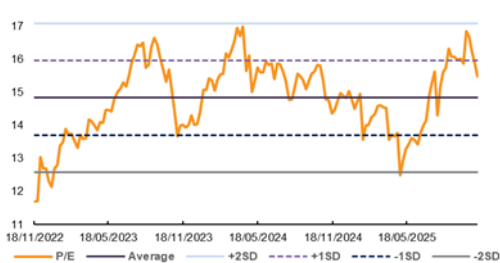
Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.784,5	248,8	121,0
1 ngày (%)	1,0	-0,7	0,2
1 tháng (%)	5,5	-4,3	1,7
Từ 2025	40,9	9,4	27,3
1 Năm (%)	40,9	9,4	27,3
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	8.193	398	654
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VN)	0,9	0,7	0,4
Số mã tăng	106	56	153
Số mã giảm	185	99	141
Số mã tham chiếu	104	143	476

Nguồn: Bloomberg

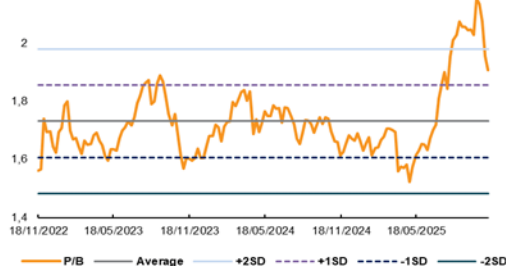
Diễn biến của VN-Index trong phiên



PE của VN-Index



P/B của VN-Index



Thị trường chứng khoán

Nhóm vốn hóa lớn tiếp tục giúp VN-Index duy trì đà tăng

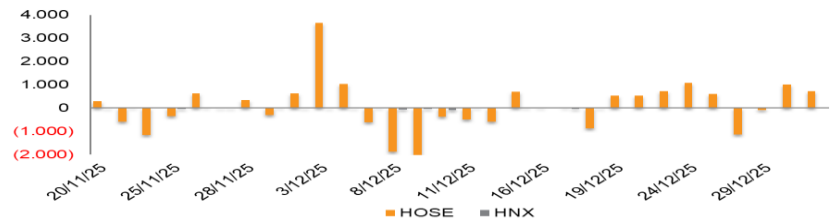
Thị trường duy trì xu hướng tăng trong phiên giao dịch ngày 31/12. Mặc dù diễn biến đầu ngày ghi nhận áp lực bán khiến VN-Index lùi về vùng 1.760 điểm. Tuy nhiên, lực cầu tại nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, trong đó có sự đóng góp đáng kể từ nhóm Vingroup giúp thị trường hồi phục trong phiên chiều, qua đó đóng cửa tại ngưỡng 1.784,49 điểm, tăng 17,59 điểm (+1,0%). Độ rộng thị trường phân hóa với 134 cổ phiếu tăng và 185 cổ phiếu giảm điểm, phản ánh trạng thái giao dịch tương đối cân bằng trong phiên giao dịch cuối cùng của năm 2025.

Chỉ số VN30 tăng 20,93 điểm (+1,04%) lên 2.030,63 điểm, cho thấy dòng tiền tiếp tục tập trung vào nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Trong rổ VN30, số cổ phiếu tăng/giảm khá cân bằng với 14 cổ phiếu tăng và 15 cổ phiếu giảm điểm. Xét theo ngành, diễn biến có sự phân hóa rõ nét với ngành Bất động sản (+3,17%) dẫn đầu đà tăng, trong khi ngành Dầu khí (-0,84%) và Bảo hiểm (-2,98%) là những ngành điều chỉnh trong phiên.

Thanh khoản trên sàn HoSE đạt 18.623 tỷ đồng, tăng 4,7% so với phiên trước đó và duy trì thấp hơn ngưỡng trung bình của 20 phiên gần nhất. Diễn biến trong phiên cho thấy thị trường ghi nhận tâm lý tích cực từ lực kéo của các cổ phiếu vốn hóa lớn, đặc biệt là nhóm Vingroup, qua đó cải thiện tâm lý và lực cầu chung. Tuy nhiên, nhà đầu tư vẫn cần thận trọng trước các nhịp biến động mạnh của nhóm cổ phiếu này khi thị trường chưa ghi nhận sự lan tỏa giữa các ngành. Trong bối cảnh hiện tại, nhà đầu tư nên ưu tiên giảm rủi ro đòn bẩy, giữ tỷ lệ tiền mặt hợp lý và chờ đợi cơ hội giải ngân. Cụ thể, đối với nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao: 1) hạn chế gia tăng đòn bẩy, chủ động cơ cấu giảm tỷ trọng ở các vị thế rủi ro nhằm hạn chế nguy cơ call margin trong kịch bản thị trường điều chỉnh; 2) thiết lập ngưỡng dừng lỗ rõ ràng cho từng vị thế là cần thiết để bảo toàn vốn. Đối với nhà đầu tư nắm giữ tỷ lệ tiền mặt cao: 1) tiếp tục quan sát diễn biến thị trường, chờ tín hiệu rõ ràng trước khi giải ngân; 2) ưu tiên chiến lược giải ngân từng phần và kiểm soát rủi ro chặt chẽ cho mỗi vị thế mới.

Ngành	Tỷ trọng VN-Index (%)	P/E	P/B	Thay đổi (%)				% thay đổi khối lượng 1 ngày
				1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,9	185,7	4,2	1,5	3,3	26,2	26,2	-7,5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	5,3	26,8	2,9	-0,4	-0,2	9,2	9,2	10,8
Năng lượng	1,9	28,1	1,4	-0,8	3,7	-1,5	-1,5	-9,4
Tài chính	37,9	11,2	1,8	0,3	2,6	27,4	27,4	19,7
Chăm sóc sức khỏe	0,5	23,2	2,7	0,6	4,1	5,1	5,1	22,0
Công nghiệp	8,1	44,0	5,3	0,2	-0,7	136,4	136,4	21,9
Công nghệ thông tin	2,2	18,1	4,3	-0,7	-1,7	-25,8	-25,8	-50,2
Vật liệu xây dựng	5,4	14,9	1,6	-0,2	-3,2	4,5	4,5	5,9
Bất động sản	27,2	97,9	6,2	3,6	21,3	487,3	487,3	60,0
Dịch vụ tiện ích	3,8	15,7	2,2	-1,9	8,0	8,2	8,2	39,7

Mua/(bán) ròng khối ngoại (tỷ vnd)



Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- Mỹ: Biên bản họp tháng 12/2025 được công bố ngày 30/12 cho thấy Fed đã hạ lãi suất 25 điểm cơ bản, đưa lãi suất mục tiêu về 3,50%–3,75%. Tuy nhiên, biên bản cho thấy quyết định này được thông qua với mức độ đồng thuận hạn chế, phản ánh quan điểm còn phân hóa trong nội bộ Ủy ban.

Tin vĩ mô trong nước

- Theo báo cáo cuối năm của Cục Hải quan: 1) tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2025 ước đạt 920 tỷ USD (+16,9% sv cuối 2024)—mức cao nhất từ trước tới nay, trong đó xuất siêu đạt 21,18 tỷ USD; 2) du lịch phục hồi mạnh, lượng khách quốc tế vượt 120% sv năm 2019, đóng góp tích cực vào tăng trưởng dịch vụ; 3) các chương trình tín dụng mở rộng đáng kể, trong đó gói tín dụng cho nông-lâm-thủy sản tăng từ 15 nghìn tỷ đồng lên 185 nghìn tỷ đồng, dư nợ giải ngân khoảng 168 nghìn tỷ đồng.
- Theo nội dung hội thảo những thành tựu nổi bật trong quan hệ song phương Việt Nam và Trung Quốc chiều ngày 29/12, những điểm nổi bật trong 2025 bao gồm: 1) hai nước ghi nhận 45 văn kiện hợp tác bao phủ các lĩnh vực kinh tế, thương mại, nông nghiệp, công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo và hạ tầng; 2) Trung Quốc duy trì vị thế đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam, với kim ngạch song phương 11T25 đạt 267,7 tỷ USD—mức cao nhất trong lịch sử; và 3) Trung Quốc dẫn đầu về số lượng và giá trị đầu tư mới vào Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ xanh và sản xuất công nghiệp.

Tin ngành và doanh nghiệp

- GEX – Hạ tầng Gelex hoàn tất đợt chào bán cổ phần, tăng cường năng lực vốn:** CTCP Tập đoàn GELEX (GEX) đã phân phối toàn bộ 100 triệu cổ phiếu cho 172 nhà đầu tư, trong đó khối ngoại mua 16,4 triệu cổ phiếu. Giá trúng dao động 28.000–35.000 đồng/cp, bình quân 28.820 đồng/cp, tương ứng tổng giá trị huy động đạt 2.882 tỷ đồng.
- LDG – Thoái toàn bộ dự án bất động sản nhằm tái cơ cấu dòng tiền:** HĐQT CTCP Đầu tư LDG (LDG) thông qua phương án chuyển nhượng toàn bộ dự án Khu căn hộ LDG Sky (Khu chung cư lô C1, KĐT mới Bình Nguyên, TP.HCM), động thái nhằm cải thiện thanh khoản và cơ cấu tài chính trong bối cảnh thị trường còn nhiều thách thức.
- SAB – Doanh thu suy giảm tại thị trường Việt Nam tạo áp lực lên kết quả mảng bia:** Doanh thu của ThaiBev tại Việt Nam giảm 14% svck, từ 58,32 nghìn tỷ đồng xuống 50,15 nghìn tỷ đồng. Mảng bia tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ đạo, trong khi mảng rượu chỉ đóng góp khoảng 2 triệu baht (1,7 tỷ đồng).
- VSC – Nhóm Viconship gia tăng tỷ lệ sở hữu tại Xếp dỡ Hải An:** Sau giao dịch, tỷ lệ nắm giữ của Viconship tại HAH tăng từ 12,947% lên 17,68%, tương ứng khối lượng cổ phiếu tăng từ gần 21,9 triệu lên khoảng 29,9 triệu đơn vị, củng cố vị thế cổ đông chiến lược tại doanh nghiệp logistics cảng biển.

Thị trường tiền tệ và hàng hoá

- Biên bản cuộc họp tháng 12 của Cục Dự trữ Liên bang (Fed), công bố ngày 30 tháng 12, nhấn mạnh sự chia rẽ rõ rệt giữa các nhà hoạch định chính sách về định hướng chính sách tiền tệ. Trong khi phần lớn ủng hộ việc cắt giảm lãi suất 25 điểm cơ bản lần thứ ba liên tiếp, một số thành viên tỏ ra thận trọng do lạm phát vẫn cao hơn mục tiêu. Các tín hiệu hiện tại cho thấy Fed có thể giữ nguyên lãi suất đến tháng 3–4/2026. Tổng thống Donald Trump cho biết ông đã chọn ứng viên cho vị trí Chủ tịch Fed tiếp theo và dự kiến công bố quyết định vào tháng 1, nhấn mạnh ưu tiên một lãnh đạo có quan điểm mạnh mẽ hơn về việc cắt giảm lãi suất.
- Về tỷ giá, USD/VND giao dịch dưới mức 26,300 nhờ nhu cầu VND mạnh vào cuối năm. Lãi suất liên ngân hàng biến động không đồng đều trong ngày 30 tháng 12: lãi suất qua đêm giảm xuống 1,7%, trong khi kỳ hạn một tuần tăng vọt vượt 9%, cho thấy áp lực thanh khoản khác nhau giữa các kỳ hạn và cần được theo dõi chặt chẽ. Trong tuần này, từ ngày 29/12 – 31/12, Ngân hàng Nhà nước đã bơm ròng 27,6 nghìn tỷ đồng để hỗ trợ thanh khoản hệ thống.

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	3,25	0,2	2,1	42,0	42,0
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/ni)	1,65	-50,5	-77,0	-57,1	-40,0
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	8,25	2,2	14,0	66,7	68,4
USD/MND	26.296	-0,1	0,3	-3,1	-3,1
DXY	98,32	0,1	-1,1	-9,4	-9,4
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,11	-0,3	2,4	-10,0	-10,0
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3,50	-0,2	0,3	-18,2	-18,2

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 năm
Vàng (USD/oz)	4.324,80	-1,4	2,5	63,8	63,8
Xăng Ron 95 (USD/b) 1 th	58,12	0,3	-0,7	-19,0	-19,0
Dầu Brent (USD/b) 1 thán	61,48	0,2	-2,7	-17,6	-17,6
Thép (USD/tấn)	465,3	0,0	2,1	-8,2	-8,2
Thịt heo (USD/kg)	1,8	1,2	11,4	-19,4	-19,4
Gạo (USD/tấn)	431,6	0,4	-5,6	-32,2	-32,2
Phân urea (USD/tấn)	342,5	0,7	-8,1	7,9	11,4

Lịch sự kiện quan trọng trong tuần

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Tư 31/12/2025	Trung Quốc	Chỉ số PMI dịch vụ và PMI sản xuất tháng 12.2025
	Mỹ	Biên bản cuộc họp chính sách (FOMC) tháng 12.2025 của Fed
Thứ Sáu 02/01/2026	Việt Nam	Chỉ số PMI sản xuất tháng 12.2025

Danh mục cổ phiếu theo dõi

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)
Hàng không									
ACV	6.662	1,9	3.105	48.900	73.300	51,0%	1,1%	16,5	2,6
AST	132	0,0	5	77.000	85.400	14,2%	3,2%	15,3	5,4
HVN	2.946	1,3	624	24.900	43.400	76,8%	2,5%	8,3	13,9
VJC	4.305	16,1	968	209.000	113.600	-45,2%	0,5%	71,9	5,1
Bán lẻ									
BAF	433	3,0	201	37.450	37.200	-0,7%		20,3	2,7
DGW	328	2,6	90	39.000	49.600	28,5%	1,3%	16,1	2,6
FRT	968	3,1	160	149.500	150.300	0,8%	0,2%	41,3	8,3
MCH	8.921	3,6	3.072	222.000	147.000	-32,7%	1,1%	33,6	14,7
MWG	4.970	22,0	86	88.400	96.300	10,1%	1,1%	22,4	4,2
PNJ	1.258	2,1	0	97.000	109.900	14,3%	1,0%	14,5	2,7
QNS	657	0,2	268	47.000	53.400	15,7%	2,1%	7,6	1,5
SAB	2.390	2,2	990	49.000	59.900	26,3%	4,1%	14,9	2,8
VHC	479	2,3	386	56.100	71.300	30,7%	3,6%	8,1	1,3
VNM	4.864	10,4	2.401	61.200	74.800	26,9%	4,7%	16,5	3,8
Tài chính									
ACB	4.688	10,0	66	24.000	31.300	34,0%	3,6%	7,1	1,3
BID	10.387	4,0	1.335	38.900	47.200	22,5%	1,2%	10,3	1,7
CTG	10.559	16,2	458	35.750	49.000	37,9%	0,9%	8,3	1,6
HDB	5.653	21,7	198	29.700	34.900	19,7%	2,2%	9,3	2,0
LPB	4.749	4,5	196	41.800	33.400	-14,1%	6,0%	12,1	2,9
MBB	7.750	25,5	155	25.300	32.900	32,0%	2,0%	8,4	1,6
STB	4.158	18,3	626	58.000	45.700	-20,1%	1,1%	8,9	1,7
TCB	9.405	18,6	1	34.900	40.300	18,3%	2,9%	11,2	1,5
TPB	1.804	7,7	92	17.100	17.800	9,7%	5,6%	7,3	1,2
VCB	18.271	8,8	1.617	57.500	69.300	21,3%	0,8%	13,7	2,2
VIB	2.298	4,7	0	17.750	23.600	36,4%	3,5%	8,0	1,3



Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)
VPB	8.644	26,0	468	28.650	37.100	31,2%	1,7%	11,0	1,5
Dệt may									
MSH	139	0,5	61	32.450	40.600	37,4%	12,3%	6,3	1,7
TCM	113	1,4	2	26.600	29.800	13,9%	1,9%	11,6	1,2
Khu công nghiệp									
BCM	2.432	0,6	774	61.800	68.600	12,6%	1,6%	17,4	3,0
GMD	989	4,2	75	61.000	72.000	21,3%	3,3%	19,9	2,0
HAH	377	4,8	86	58.700	55.400	-4,3%	1,3%	8,5	2,4
VSC	284	8,5	134	19.950	19.100	-1,8%	2,5%	16,5	1,4
IDC	525	3,1	198	36.400	45.600	29,4%	4,1%	7,5	2,1
KBC	1.266	6,1	490	35.350	30.000	-14,1%	1,1%	18,9	1,4
PHR	301	0,5	106	58.500	68.400	19,2%	2,3%	11,8	2,0
VTP	458	2,7	203	98.800	129.200	31,9%	1,1%	40,8	6,9
Tài nguyên cơ bản									
DGC	989	10,6	421	68.500	128.300	91,7%	4,4%	8,8	1,7
HPG	7.706	37,0	2.244	26.400	30.000	14,7%	1,1%	14,1	1,6
Dầu khí									
BSR	3.066	5,6	1.472	16.100	16.700	6,4%	2,7%	38,9	1,4
GAS	6.644	2,4	3.122	72.400	78.400	11,1%	2,8%	14,4	2,7
OIL	425	0,3	26	10.800	14.800	39,4%	2,3%	34,2	1,1
PLX	1.706	2,2	86	35.300	47.700	38,5%	3,4%	18,0	1,7
PVD	599	7,4	231	28.350	32.600	23,8%	8,8%	17,5	0,9
PVS	667	6,0	233	34.300	41.800	23,8%	1,9%	12,1	1,2
PVT	329	2,1	129	18.400	23.400	28,4%	1,2%	8,8	1,0
Phân bón - Hóa chất									
DPM	575	3,5	267	22.250	23.300	8,6%	3,9%	19,5	1,4
DCM	658	2,8	298	32.700	40.000	28,4%	6,1%	10,0	1,6
DDV	144	1,3	66	25.900	39.700	56,8%	3,5%	22,5	2,1

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)
PLC	74	0,2	36	24.200	34.100	43,0%	2,1%	16,4	1,5
Điện									
POW	1.482	3,9	668	12.700	14.400	14,7%	1,3%	18,9	1,1
Điện và BĐS									
HDG	384	3,7	113	27.300	37.400	38,5%	1,5%	29,1	1,6
PC1	353	2,4	132	22.550	26.500			18,5	1,6
REE	1.257	0,9	0	61.000	76.600	27,0%	1,4%	12,8	1,6
Bất động sản									
DXG	723	14,2	175	17.100	18.300	18,7%	11,7%	41,9	1,4
KDH	1.344	7,9	292	31.500	41.800	33,6%	0,9%	39,4	2,0
NLG	562	3,5	33	30.450	42.200	40,1%	1,5%	15,8	1,3
VHM	19.369	26,4	7.980	124.000	93.600			19,5	2,3
VRE	2.908	16,6	1.018	33.650	32.000	-1,8%	3,1%	15,7	1,7
Công nghệ									
FPT	6.206	29,2	613	95.800	118.200	24,4%	1,0%	18,1	4,6

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: +84 24 3972 4568
Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
ĐT: +84 28 7300 0688
Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng
ĐT: +84 511 382 1111
Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An
ĐT: +84 23 8730 2886
Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ
ĐT: +84 710 3766 959
Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh
ĐT: +84 98 8619 695
Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa
ĐT: +84 90 3255 202
Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM
ĐT: +84 27 4222 2659
Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình
ĐT: +84 22 8352 8819
Fax: NA